

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TRÀ VINH

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Lê Văn Đáng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh:** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2023/TLST- HN, ngày 01 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12/4/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Cao Vĩnh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 79, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Cao Vĩnh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy K xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ

Chí Minh vào ngày 29/12/2014; Vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, khi tiến đến hôn nhân, anh và chị K có quen nhau khoảng 06 tháng và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, Nữ trang sau ngày cưới đã bán hết không còn. Quá trình chung sống đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách ứng xử giao tiếp và tình cảm và chị K tự ý bỏ nhà đi, không chung sống với anh T, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- Về nuôi con tên: Cao Vĩnh T, sinh ngày 07/12/2014, hiện con đang sống với anh T. Anh T xin được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị K không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Chị K vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy K. Về con chung: Giao cháu Cao Vĩnh T, sinh ngày 07/12/2014 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh T và chị K là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy K là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị K vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Thúy K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2014 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh T và chị K là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T: Theo lời khai của anh T thì anh và chị K quen biết nhau khoảng 06 tháng sau đó kết hôn vào tháng 12/2014 cho đến cuối năm 2016 vợ chồng ly thân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh xin ly hôn với chị K, về phía chị K mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng chị K đã nhận nhưng chị K không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân giữa chị và anh T, điều đó chứng tỏ rằng chị K không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T, mặc khác qua xác minh của Tòa án thì cha chị K trình bày có nghe chị K nói lại là giữa chị K và anh T có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị K đi làm thuê lâu lâu về nhà một lần. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị K và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Hiện tại anh T đang nuôi dưỡng, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét thấy con chung của anh T và chị K là cháu Cao Vĩnh T, sinh ngày 07/12/2014, từ khi vợ chồng ly thân anh T nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa anh và con gắn bó hơn, mặc khác cháu T có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó việc giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu T có cuộc sống ổn định phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho anh T được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Cao Vĩnh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 ; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Vĩnh T.

- Về hôn nhân: Cho anh Cao Vĩnh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy K.

- Về nuôi con chung: Anh Cao Vĩnh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Cao Vĩnh T, sinh ngày 07/12/2014 khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các T viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao Vĩnh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh Cao Vĩnh T không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Cao Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013240 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh